

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15/04/2026

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quang Vinh;

2. Bà Vi Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8-Lào Cai.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8-Lào Cai xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 205/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25/03/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T; Sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản N, xã X, tỉnh Lào Cai; Có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lương Thị C - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm giúp pháp lý nhà nước tỉnh L.

Bị đơn: Anh Triệu Tiến Đ; sinh năm: 1975; Địa chỉ: Bản N, xã X, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt lần thứ hai không có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Triệu Thị T đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Triệu Tiến Đ và tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 2001, Sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã X, tỉnh Lào Cai) năm 2018. Chị T và anh Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi

vã, anh Đ thường hay uống rượu, chửi mắng vợ con và đuổi chị T ra khỏi nhà. Đến cuối năm 2024 vợ chồng sống đã ly thân, chị T về sống chung với bố mẹ đẻ. Hiện tại xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn với nhau theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh Đ có 02 con chung là cháu Triệu Tài Q - Sinh ngày 24/12/2002 và cháu Triệu Thị B - Sinh ngày 22/11/2004. Hiện các cháu đều khỏe mạnh và đã trưởng thành nên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T đồng ý chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Triệu Tiến Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ những vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có ý kiến gì.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị T. Xử cho chị Triệu Thị Thanh ly H anh Triệu Tiến Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Triệu Thị T có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân khu vực 8-Lào Cai, yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Triệu Tiến Đ. Anh Đ cư trú tại: Bản N, xã X, tỉnh Lào Cai, theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8-Lào Cai thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quá trình tham gia tố tụng của các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa

án tiến hành tố tụng, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T khai chị và anh Triệu Tiến Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2018. Chị T và anh Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau, mâu thuẫn không thể khắc phục được. Hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2024 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã kéo dài, mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được UBND xã X xác nhận, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng sống không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị T là có cơ sở, cần được chấp nhận.

- Về con chung: 02 con chung của chị T và anh Đ đều khỏe mạnh, trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Triệu Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 12.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12.

1 Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T. Xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Triệu Tiến Đ. Quan hệ hôn nhân của

chị Triệu Thị T và anh Triệu Tiến Đ chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2 Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002324 ngày 18/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4 Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị T và anh Triệu Tiến Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự/

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV 8 - Lào Cai (2);
- Đương sự (2);
- PTHADS KV 8 - Lào Cai;
- UBND xã Xuân Hòa, tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Thứ

Vi Thị Loan

Nguyễn Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Thứ

Lê Duy Bình

Nguyễn Mạnh Thắng

